

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

Tên chương trình	: Kế toán
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Kế toán
Tên Tiếng Anh	: Accounting
Loại hình đào tạo	: Chính quy – hệ tín chỉ
Mã số	: 52340301

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 147../QĐ – ĐT, ngày 09.tháng 6.năm 2014
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Kiến thức

- Sinh viên tốt nghiệp có đầy đủ các kiến thức thực tế thuộc chuyên ngành kế toán, kiểm toán như: Các nguyên tắc kế toán, hệ thống các văn bản pháp luật kế toán, kiểm toán, thuế, tài chính; Ngoài ra còn được cung cấp các kiến thức thuộc khối kinh tế: quản trị, tài chính, ngân hàng để bổ sung cho thực hành công tác kế toán, kiểm toán.
- Sinh viên tốt nghiệp có khả năng tự nghiên cứu, cập nhật các kiến thức chuyên ngành, có khả năng giao tiếp tốt bằng tiếng Anh, có thể sử dụng tiếng Anh trong công việc học tập và nghiên cứu
- Kiến thức bổ trợ: Ngoại ngữ TOIEC 450; Tin học trình độ B; Kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng tư duy hiệu quả và sáng tạo.

1.2. Kỹ năng

- Có kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm. Có khả năng tổ chức, thiết lập, triển khai, thực hiện công tác kế toán trong các doanh nghiệp;
- Thành thạo trong việc thu thập, xử lý, kiểm tra và đối chiếu dữ liệu, lập chứng từ, ghi sổ kế toán, lập và phân tích Báo cáo tài chính;
- Sử dụng thành thạo một phần mềm kế toán thông dụng;
- Biết thu thập và xử lý dữ liệu phục vụ cho việc lập và phân tích các báo cáo kế toán quản trị, biết ứng dụng các mô hình trong kế toán quản trị vào công việc thực tế;
- Biết lập và kê khai các báo cáo thuế hàng tháng và quyết toán thuế năm, sử dụng thành thạo các phần mềm hỗ trợ khai thuế, quy trình khai thuế đang áp dụng.

1.3. Thái độ

- Có đạo đức nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật lao động và tôn trọng nội qui của cơ quan, doanh nghiệp;
- Ý thức cộng đồng và tác phong công nghiệp, trách nhiệm công dân, làm việc theo nhóm và làm việc độc lập;
- Có tinh thần cầu tiến, hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp.

1.3. Cơ hội nghề nghiệp, vị trí, khả năng làm việc và học tập sau khi tốt nghiệp

Đảm nhận các công việc với các chức danh và mô tả công việc của kế toán viên, kế toán tổng hợp, trợ lý kiểm toán, kiểm toán nội bộ, phân tích tài chính ...trong các doanh nghiệp và tổ chức phi lợi nhuận khác.

2. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm.

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 155 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH

Thực hiện đúng Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

- Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, với 12 kỳ, trong đó 10 học kỳ tích lũy kiến thức, rèn luyện kỹ năng tại cơ sở đào tạo và 1 kỳ thực tập tại các địa phương và cơ sở, 01 kỳ làm khóa luận hoặc học các học phần thay thế.
- Sinh viên được đào tạo theo loại hình chính quy áp dụng theo Quy chế 43/2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6. THANG ĐIỂM

- Thang điểm 10
- Điểm học phần làm tròn đến 1 chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ như sau:
 - a. Loại đạt:
 - A – (8,5 -> 10): Giỏi.
 - B – (7 -> 8,4): Khá
 - C – (5,5 -> 6,9): Trung bình
 - D – (4 -> 5,4): Trung bình yếu.
 - b. Loại không đạt:
 - F – (dưới 4): Kém.
- Tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chung của mỗi học phần phải được quy đổi sang điểm số như sau (điểm hệ 4):
 - A tương ứng với 4.

- B tương ứng với 3.
- C tương ứng với 2.
- D tương ứng với 1.
- F tương ứng với 0.

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG: 52 tín chỉ (không kể Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng)

7.1.1. Lý luận Triết học Mác-Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
1	070010	NLCB của chủ nghĩa Mác – Lênin	5	75	0	
2	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	070010(a)
3	070002	ĐLCM của ĐCS Việt Nam	3	45	0	070010(a)
		Tổng	10	150	0	

7.1.2. Khoa học xã hội – Nhân văn nghệ thuật: 6 tín chỉ

7.1.2.1. Kiến thức bắt buộc: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
4	070011	Pháp luật đại cương	2	30	0	
		Tổng	2	30	0	

7.1.2.2. Kiến thức tự chọn: 4 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
5	070006	Kỹ năng giao tiếp	2	30	0	
6	071484	Kỹ năng bán hàng	2	30	0	
7	071485	Tâm lý học đại cương	2	30	0	
8	071350	Logic học	2	30	0	

7.1.3. Ngoại ngữ: 24 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
9	070407	Anh văn giao tiếp 1	3	30	30	
10	070408	Anh văn giao tiếp 2	3	30	30	070407(a)
11	070409	TOEIC 1	3	30	30	070408(a)
12	070410	TOEIC 2	3	30	30	070409(a)
13	070411	TOEIC 3	3	30	30	070410(a)
14	070412	TOEIC 4	3	30	30	070411(a)
15	001799	TOEIC 5	3	30	30	070412(a)
16	071104	TOEIC 6	3	30	30	001799(a)

		Tổng	24	240	240	
--	--	-------------	-----------	------------	------------	--

7.1.4. Toán – Tin học – Khoa học tự nhiên: 12 tín chỉ

7.1.4.1. Kiến bắt buộc: 10 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
17	070405	Tin học văn phòng 1	2	0	60	
18	070406	Tin học văn phòng 2	2	0	60	070405(a)
19	001789	Toán cao cấp C1	2	30	0	
20	001790	Toán cao cấp C2	2	30	0	001789(a)
21	001030	Xác suất thống kê	2	30	0	001790(a)
		Tổng	10	90	120	

7.1.4.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
22	070182	Phương pháp tính	2	30	0	
23	071340	Qui hoạch tuyến tính	2	30	0	001790(a)

7.1.5. Giáo dục thể chất

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
24	070023	Giáo dục thể chất	5	15	90	
		Tổng	5	15	90	

7.1.6. Giáo dục quốc phòng

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
25	070022	Giáo dục quốc phòng	8	90	30	
		Tổng	8	90	30	

7.2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP: 103 tín chỉ

7.2.1. Kiến thức cơ sở ngành: 35 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 33 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
26	000840	Kinh tế vi mô	3	45	0	
27	000841	Kinh tế vĩ mô	3	45	0	
28	000833	Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh doanh	3	45	0	
29	071596	Kế toán thuế 1	3	45	0	
30	071597	Kế toán thuế 2	2	30	0	071596(a)
31	072307	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	2	30	0	

32	072308	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2	2	30	0	072307(a)
33	071500	Luật kinh doanh	2	30	0	
34	071487	Nguyên lý kế toán	3	45	0	
35	071598	Nghiệp vụ ngoại thương	2	30	0	
36	070348	Marketing căn bản	2	30	0	
37	070353	Quản trị học	2	30	0	
38	072309	Thanh toán quốc tế	2	30	0	
39	071600	Thị trường chứng khoán	2	30	0	
		Tổng	33	495	0	

7.2.2.2. Kiến thức tự chọn: 2 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
40	001619	Thống kê kinh doanh	2	30	0	
41	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	2	30	0	

7.2.2. Kiến thức chuyên ngành: 56 tín chỉ

7.2.2.1. Kiến thức bắt buộc: 49 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
42	071604	Hệ thống thông tin kế toán	4	60	0	071602(a)
43	071615	Kiểm toán báo cáo tài chính	4	60	0	071607(a)
44	071607	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	3	45	0	071602(a)
45	071601	Kế toán chi phí	3	45	0	
46	071614	Kế toán quản trị	4	60	0	
47	071532	Kế toán tài chính 1	4	60	0	071487(a)
48	071599	Kế toán tài chính 2	4	60	0	071532(a)
49	071602	Kế toán tài chính 3	4	60	0	071599(a)
50	071615	Lập và phân tích báo cáo tài chính	2	30	0	071602(a)
51	071610	Phần mềm kế toán	3	45	0	071487(a)
52	071504	Quản trị tài chính	3	45	0	
53	071603	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1	2	30	0	071487(a)
54	071609	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 2	2	30	0	071603(a)
55	071612	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 3	2	30	0	071609(a)
56	071617	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 4	2	30	0	071612(a)
57	071613	Tổ chức hệ thống chứng từ, sổ và báo	3	45	0	071487(a)

		cáo kế toán				
		Tổng	49	735	0	

7.2.2.1. Kiến thức tự chọn: 7 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
58	071606	Kế toán Mỹ	2	30	0	071487(a)
59	071605	Kế toán công	2	30	0	
60	071608	Phân tích và đầu tư chứng khoán	2	30	0	071600(a)
61	070379	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	3	45	0	
62	070398	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	3	45	0	

7.2.3. Thực tập và khóa luận tốt nghiệp (hoặc học phần thay thế): 12 tín chỉ

STT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	TC	LT	TH	GHI CHÚ
63	071619	Thực tập tốt nghiệp	5	0	150	
64	071618	Khóa luận tốt nghiệp	7	105	0	
Học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp						
65	072310	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	0	
66	072311	Ứng dụng Excel trong kế toán – kiểm toán	2	30	0	
67	072312	Đào tạo công việc thực địa (On-Job Training)	2	30	0	
		Tổng	12	105	150	

Ghi chú: TC: số tín chỉ; LT: số tiết lý thuyết; TH: số tiết thực hành, thí nghiệm, giải bài tập, thảo luận; (b): học phần tiên quyết; (a): học phần trước; (c): học phần song hành.

8. KẾ HOẠCH GIẢNG DẠY (DỰ KIẾN): Các học phần Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất được tổ chức giảng dạy theo lịch riêng.

STT	Mã số	Tên học phần	Mã học phần	Tín chỉ	Số tiết LT	Số tiết TH	Điều kiện ràng buộc
Học kỳ 1				14	195	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	001789	Toán Cao cấp C1	0101001789	2	30	0	
2	070010	Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	0101070010	5	75	0	
3	070011	Pháp luật đại cương	0101070011	2	30	0	
4	070023	Giáo dục thể chất	0101070023	5	15	90	
5	070407	Anh văn giao tiếp 1	0101070407	3	30	30	
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	071350	Logic học	0101071350	2	30	0	
2	071485	Tâm lý học đại cương	0101071485	2	30	0	
Học kỳ 2				12	165	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	001790	Toán Cao cấp C2	0101001790	2	30	0	001789(a)
2	070002	Đường lối Cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	0101070002	3	45	0	070010(a)
3	070022	Giáo dục quốc phòng	0101070022	8	90	30	
4	070353	Quản trị học	0101070353	2	30	0	
5	070408	Anh văn giao tiếp 2	0101070408	3	30	30	070407(a)
6	072307	Lý thuyết tài chính tiền tệ 1	0101072307	2	30	0	
Học kỳ 3				14	195	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	000840	Kinh tế vi mô	0101000840	3	45	0	
2	001030	Xác suất thống kê	0101001030	2	30	0	001790(a)
3	070018	Tư tưởng Hồ Chí Minh	0101070018	2	30	0	070010(a)
4	070409	TOEIC 1	0101070409	3	30	30	070408(a)
5	072308	Lý thuyết tài chính tiền tệ 2	0101072308	2	30	0	072307(a)
Học phần tự chọn				2	30	0	
1	070006	Kỹ năng giao tiếp	0101070006	2	30	0	
2	071484	Kỹ năng bán hàng	0101071484	2	30	0	
Học kỳ 4				14	165	90	
Học phần bắt buộc				10	105	90	
1	000841	Kinh tế vĩ mô	0101000841	3	45	0	
2	070405	Tin học văn phòng 1	0101070405	2	0	60	
3	070410	TOEIC 2	0101070410	3	30	30	070409(a)
4	071500	Luật kinh doanh	0101071500	2	30	0	
Học phần tự chọn				4	60	0	
1	001619	Thống kê kinh doanh	0101001619	2	30	0	
2	070182	Phương pháp tính	0101070182	2	30	0	
3	071340	Qui hoạch tuyến tính	0101071340	2	30	0	001790(a)
4	071491	Địa lý kinh tế Việt Nam	0101071491	2	30	0	

Học kỳ 5				14	165	90	
Học phần bắt buộc				14	165	90	
1	000833	Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh doanh	0101000833	3	45	0	
2	070406	Tin học văn phòng 2	0101070406	2	0	60	070405(a)
3	070411	TOEIC 3	0101070411	3	30	30	070410(a)
4	071487	Nguyên lý kế toán	0101071487	3	45	0	
5	071596	Kế toán thuế 1	0101071596	3	45	0	
Học kỳ 6				13	180	30	
Học phần bắt buộc				13	180	30	
1	070348	Marketing căn bản	0101070348	2	30	0	
2	070412	TOEIC 4	0101070412	3	30	30	070411(a)
3	071532	Kế toán tài chính 1	0101071532	4	60	0	071487(a)
4	071597	Kế toán thuế 2	0101071597	2	30	0	071596(a)
5	071598	Nghiệp vụ ngoại thương	0101071598	2	30	0	
Học kỳ 7				11	150	30	
Học phần bắt buộc				11	150	30	
1	001799	TOEIC 5	0101001799	3	30	30	070412(a)
2	071599	Kế toán tài chính 2	0101071599	4	60	0	071532(a)
3	071600	Thị trường chứng khoán	0101071600	2	30	0	
4	072309	Thanh toán quốc tế	0101072309	2	30	0	
Học kỳ 8				12	165	30	
Học phần bắt buộc				12	165	30	
1	071104	TOEIC 6	0101071104	3	30	30	001799(a)
2	071601	Kế toán chi phí	0101071601	3	45	0	
3	071602	Kế toán tài chính 3	0101071602	4	60	0	071599(a)
4	071603	Tiếng anh chuyên ngành kế toán 1	0101071603	2	30	0	071487(a)
Học kỳ 9				13	195	0	
Học phần bắt buộc				9	135	0	
1	071604	Hệ thống thông tin kế toán	0101071604	4	60	0	071602(a)
2	071607	Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo	0101071607	3	45	0	071602(a)
3	071609	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 2	0101071609	2	30	0	071603(a)
Học phần tự chọn				4	60	0	
1	071605	Kế toán công	0101071605	2	30	0	
2	071606	Kế toán Mỹ	0101071606	2	30	0	071487(a)
3	071608	Phân tích và đầu tư chứng khoán	0101071608	2	30	0	071600(a)
Học kỳ 10				14	210	0	
Học phần bắt buộc				11	165	0	
1	071504	Quản trị tài chính	0101071504	3	45	0	
2	071610	Phần mềm kế toán	0101071610	3	45	0	071487(a)
3	071612	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 3	0101071612	2	30	0	071609(a)
4	071613	Tổ chức hệ thống chứng từ, sổ và báo cáo kế toán	0101071613	3	45	0	071487(a)

Học phần tự chọn				3	45	0	
1	070379	Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại	0101070379	3	45	0	
2	070398	Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư	0101070398	3	45	0	
Học kỳ 11				12	180	0	
Học phần bắt buộc				12	180	0	
1	071614	Kế toán quản trị	0101071614	4	60	0	
2	071615	Kiểm toán báo cáo tài chính	0101071615	4	60	0	071607(a)
3	071616	Lập và Phân tích báo cáo tài chính	0101071616	2	30	0	071602(a)
4	071617	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 4	0101071617	2	30	0	071612(a)
Học kỳ 12				12	105	150	
Học phần bắt buộc				5	0	150	
1	071619	Thực tập tốt nghiệp	0101071619	5	0	150	
Học phần tự chọn				7	105	0	
1	072310	Chuyên đề tốt nghiệp	0101072310	3	45	0	
2	072311	Ứng dụng Excel trong kế toán – kiểm toán	0101072311	2	30	0	
3	071618	Khóa luận tốt nghiệp	0101071618	7	105	0	
4	072312	Đào tạo công việc thực địa (On-Job Training)	0101072312	2	30	0	

9. MÔ TẢ TÓM TẮT NỘI DUNG CÁC HỌC PHẦN

Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin: 5 (75, 0, 150)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần nghiên cứu hệ thống quan điểm và học thuyết khoa học của C.Mác, Ph.Ăngghen và V.I.Lênin gồm ba bộ phận lý luận cơ bản, có mối liên hệ thống nhất biện chứng với nhau, đó là: Triết học Mác-Lênin; Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Chủ nghĩa xã hội khoa học. - Ngoài chương mở đầu, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương - Phần thứ nhất: Thế giới quan và phương pháp luận triết học của Chủ nghĩa Mác- Lênin - Phần thứ 2: Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mác- Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa - Phần thứ 3: Lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về CNXH.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học.

Đường lối cách mạng Đảng cộng sản Việt Nam: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin)

Nội dung: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Đảng cộng sản Việt Nam, hiểu được sự ra đời cũng như quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc, lãnh đạo cả nước quá độ lên CNXH từ đó góp nâng cao năng lực lãnh

đạo của Đảng trong thời kì mới. Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm về Đảng cộng sản Việt Nam, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Đảng, quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng qua từng giai đoạn lịch sử...

Pháp luật đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần Pháp luật đại cương nghiên cứu những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về nhà nước và pháp luật: + Nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng, vai trò của nhà nước và pháp luật; bộ máy nhà nước CHXHCN Việt Nam. + Các khái niệm; một số nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý và các ngành luật cơ bản của hệ thống pháp luật.

Kỹ năng bán hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kỹ năng nắm bắt nhu cầu khách hàng bao gồm cả người tiêu dùng và các tổ chức để trở thành những nhân viên bán hàng chuyên nghiệp gồm một số kỹ năng như kỹ năng khám phá nhu cầu, kỹ năng trình bày lợi ích sản phẩm, kỹ năng xử lý phản đối và chăm sóc khách hàng sau khi bán hàng.

Kỹ năng giao tiếp: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp những kiến thức về giao tiếp trong cuộc sống nói chung và công việc nói riêng. Học phần Kỹ năng Giao tiếp giới thiệu cho sinh viên những nguyên lý giao tiếp hiệu quả, để từ đó ứng dụng các nguyên lý này vào các kỹ năng viết và nói. Cụ thể sinh viên sẽ biết vận dụng các nguyên lý giao tiếp hiệu quả vào việc đón tiếp khách, trực tiếp hay qua điện thoại, biết soạn email hay các loại thư giao dịch. Sinh viên cũng sẽ biết làm việc theo nhóm, biết chuẩn bị một bài thuyết trình và biết thuyết trình trước lớp. Sinh viên cũng sẽ học chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc hiệu quả.

Tâm lý học đại cương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Trang bị các khái niệm cơ bản của khoa học tâm lý và các phương pháp nghiên cứu trong tâm lý học làm cơ sở để hiểu được: • Nguồn gốc nảy sinh, hình thành và phát triển tâm lý, ý thức. • Bản chất của các quá trình tâm lý của con người như: Nhận thức; Xúc cảm – tình cảm; hành động và các thuộc tính tâm lý tạo nên cấu trúc nhân cách con người.

Logic học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần này gồm có 6 chương - Chương 1: Đại cương về logic học - Chương 2: Khái niệm - Chương 3: Phán đoán - Chương 4: Suy luận - Chương 5: Chứng minh, bác bỏ và ngụ biện - Chương 6: Những quy luật cơ bản của tư duy.

Anh văn giao tiếp 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

Anh văn giao tiếp 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 1)

Nội dung: Đây là nội dung ngoại ngữ cơ bản nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp, vốn từ vựng, các kỹ năng sử dụng trong giao tiếp thông thường. Yêu cầu đạt trình độ trung cấp đối với những sinh viên đã hoàn tất chương trình ngoại ngữ 07 năm của giáo dục phổ thông.

TOEIC 1: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Anh văn giao tiếp 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 1. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm 8 bài của giáo trình Outcomes –Inter. Sinh viên được cung cấp những kiến thức tiếng Anh ở mức độ nâng cao, giúp tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp nâng cao hơn bằng tiếng Anh. Sinh viên được chuẩn bị kỹ phần nền tảng tiếng Anh vững chắc để tiếp tục hoàn thiện trong các khóa TOEIC sau đó nhằm đáp ứng cho kỳ thi chuẩn đầu ra TOEIC cho sinh viên.

TOEIC 2: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 1)

Nội dung: Học phần TOEIC 2. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC..

TOEIC 3: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 2)

Nội dung: Học phần TOEIC 3. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link Intro VDO (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC Start phần còn lại. Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 4: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 3)

Nội dung: Học phần TOEIC 4. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 1 – 6) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 1). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 5: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 4)

Nội dung: Học phần TOEIC 5. AVTT được giảng dạy cho sinh viên hệ Anh Văn tiên tiến gồm học qua online với nội dung do trung tâm biên soạn; World Link VDO 1 (từ bài 7 – 12) để luyện kỹ năng giao tiếp qua các đề tài cụ thể và Hacker TOEIC do David Cho biên soạn (Phần 2). Sinh viên tiếp tục học tiếng Anh ở mức độ nâng cao, tiếp tục rèn luyện 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết và thực hành các tình huống giao tiếp thực sự với giáo viên bản xứ và nâng cao hơn các kỹ năng với bài thi TOEIC.

TOEIC 6: 3 (30, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (TOIEC 5)

Nội dung: Học phần TOEIC 6. AVTT hoàn các kỹ năng với bài thi TOEIC chuẩn bị cho kỳ thi TOEIC theo yêu cầu đầu ra.

Giáo dục thể chất: 5 (15, 90, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 3244/GD-ĐT ngày 12/9/1995 và Quyết định số 1262/GD-ĐT ngày 12/4/1997 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần Giáo dục thể chất bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Huấn luyện cho người học những kiến thức cơ bản về thể thao quần chúng và thể thao quân sự bao gồm: Hiểu biết nguyên tắc, phương pháp huấn luyện thể lực, luật và tổ chức thi đấu một số môn thể thao.

Giáo dục Quốc phòng: 8 (90, 30, 75)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nội dung học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm các nội dung ban hành tại Thông tư số 31/2012/TT- BGDĐT, ngày 12/9/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Học phần này chi tiết gồm những nội dung kiến thức sau đây: Trang bị những kiến thức cơ bản về Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng, an ninh; Quân sự chung và chiến thuật, kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (CKC)

Tin học văn phòng 1: 2 (0, 60, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần này trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản nhất về máy tính và các kỹ năng tối thiểu để sử dụng máy tính. Kết thúc học phần, người học có thể sử dụng máy tính một cách căn bản để giải quyết những vấn đề thường gặp như: gõ văn bản tiếng Việt, in

ấn, kẻ bảng tính đơn giản, làm slide, quản lý tập tin, nén dữ liệu, dùng ổ đĩa cứng ngoài, diệt virus, dùng thư điện tử, duyệt web, sử dụng các phần mềm văn phòng ở mức tối thiểu.

Tin học văn phòng 2: 2 (0, 60, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tin học văn phòng 1)

Nội dung: Giới thiệu về Cơ sở dữ liệu, làm việc trên Table, thiết kế CSDL theo mô hình quan hệ; Truy vấn thông tin trên CSDL; Thiết kế các loại Form; Thiết kế các loại Report; Sử dụng Macro; Đóng gói dữ liệu.

Toán cao cấp C1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Học phần cung cấp một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để có đủ kiến thức tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn, đồng thời rèn luyện cho sinh viên khả năng tư duy lô-gíc, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

Toán cao cấp C2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp C1)

Nội dung: Toán cao cấp C2 giới thiệu các kiến thức về phép tính vi, tích phân hàm một biến và phép tính vi phân hàm nhiều biến.

Xác suất thống kê: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp C2)

Nội dung: Lý thuyết xác suất thống kê giới thiệu các kiến thức bao gồm: lý thuyết xác suất, biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất, lý thuyết mẫu và các bài toán cơ bản của thống kê như ước lượng, kiểm định giả thuyết, hồi qui và tương quan.

Phương pháp tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : - Số gần đúng và sai số - Nội suy bằng đa thức và phương pháp bình phương tối thiểu - Giải gần đúng nghiệm thực của phương trình - Tính gần đúng đạo hàm và tích phân - Giải gần đúng phương trình và hệ phương trình vi phân thường.

Quy hoạch tuyến tính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Toán cao cấp C2)

Nội dung: Nội dung chính gồm các phần sau : - Các khái niệm về bài toán quy hoạch tuyến tính (QH TT), các dạng của bài toán QH TT, phương pháp đơn hình giải bài toán QH TT. - Bài toán QH TT chứa tham số ở hàm mục tiêu - Bài toán vận tải và các ứng dụng - Phương pháp sơ đồ mạng Per.

Kinh tế vi mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về Kinh tế vi mô như: những vấn đề cơ bản về kinh tế vi mô, thị trường, cầu và cung, lý thuyết hành vi của người tiêu dùng, lý thuyết về sản xuất và chi phí, lý thuyết cạnh tranh hoàn toàn, lý thuyết độc quyền hoàn toàn, lý thuyết cạnh tranh không hoàn toàn.

Kinh tế vĩ mô: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về: Khái quát về kinh tế vĩ mô, Cách tính sản lượng quốc gia, LT xác định sản lượng cân bằng quốc gia, Chính sách tài khóa và chính sách ngoại thương, Tiền tệ ngân hàng và chính sách tiền tệ, Mô hình IS-LM, Mô hình tổng cung tổng cầu, Lạm phát và thất nghiệp, Phân tích vĩ mô trong nền KT mở.

Marketing căn bản: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về hoạt động marketing như: nhập môn marketing, môi trường marketing, hành vi khách hàng, nghiên cứu marketing, phân khúc thị trường – lựa chọn thị trường mục tiêu – định vị trong thị trường, chiến lược sản phẩm, chiến lược định giá (pricing strategy), chiến lược phân phối (distribution strategy), chiến lược xúc tiến, lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát marketing

Quản trị học: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản trị học như: bản chất và khoa học của quản trị, sự phát triển các lý thuyết khoa học quản trị, các yếu tố môi trường tác động đến quản trị, quyết định trong quản trị, hoạch định trong quản trị, tổ chức trong quản trị, quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế toàn cầu, người lãnh đạo và hành vi của lãnh đạo, động lực và hành vi giữa các cá nhân, nhóm, quản trị trong nền kinh tế toàn cầu, kiểm tra, kiểm soát trong quản trị.

Thống kê kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về nguyên lý thống kê để ứng dụng cho các môn học chuyên ngành và trong nghiên cứu các quá trình kinh tế - kinh doanh như: điều tra thông tin, phân tổ tổng hợp tài liệu, các chỉ tiêu thống kê mức độ khối lượng, các chỉ tiêu thống kê mức độ tương đối của hiện tượng, các chỉ số phát triển, chỉ số kế hoạch, thống kê và dự báo xu hướng phát triển của quá trình kinh tế - kinh doanh.

Nguyên lý kế toán: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Nguyên lý kế toán là học phần thuộc phần kiến thức cơ sở ngành nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình hoạt động chủ yếu của một đơn vị cụ thể. Giúp cho sinh viên có kiến thức

tổng quát về công việc kế toán và nền tảng để học tiếp tục các học phần cao hơn như: kế toán tài chính, kế toán quản trị.

Kinh tế lượng ứng dụng trong kinh doanh: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên kiến thức căn bản và kiến thức cơ sở về Kinh tế lượng như: đặc điểm vận dụng kinh tế lượng trong thực tiễn; hồi quy 2 biến; một số ứng dụng của hàm hồi quy 2 biến; hồi quy nhiều biến; đa cộng tuyến; phương sai của nhiễu thay đổi; tự tương quan.

Địa lý kinh tế Việt Nam: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần địa lý kinh tế bao gồm các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc tổ chức sắp xếp các hoạt động kinh tế – xã hội của một quốc gia, hoặc khu vực; và thực tiễn thực hiện các công tác nêu trên. Nội dung cơ bản của học phần này là giúp cho sinh viên làm quen với việc đánh giá sơ bộ các tiềm lực kinh tế, xã hội, và vai trò của nó đối với sự phát triển của các quốc gia.

Luật kinh doanh: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật trong kinh doanh như địa vị pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh, phá sản và các hình thức giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, các thiết chế về cạnh tranh và chống độc quyền.

Lý thuyết tài chính tiền tệ 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học trang bị cho học sinh các kiến thức về lý thuyết tiền tệ. Kết thúc học phần học sinh nắm vững được các kiến thức cơ sở về tiền tệ làm nền tảng cho việc nghiên cứu các môn học thuộc kiến thức chuyên ngành và bổ trợ chuyên ngành.

Lý thuyết tài chính tiền tệ 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Lý thuyết tài chính tiền tệ 1).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ cho sinh viên học trong khối ngành kinh tế để đáp ứng với xu hướng giáo dục hiện nay.

Kế toán thuế 1: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không.

Nội dung: Môn học giới thiệu các nội dung của các Luật thuế GTGT, TNDN, TNCN, Nhà thầu, thuế XNK, TTĐB và các loại phí do Nhà nước ban hành. Các nội dung bao gồm cả thực hành kê khai bằng phần mềm HTKK của Tổng cục thuế mới nhất và các phương pháp đối chiếu, trích dẫn số liệu kế toán để kê khai, quyết toán các loại thuế.

Kế toán thuế 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kế toán thuế 1).

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên nội dung cụ thể việc đối chiếu số liệu kế toán – thuế đối với các loại thuế GTGT, TNDN, TNCN, TTĐB, Nhà thầu bao gồm từ việc ghi nhận bút toán kế toán – ghi nhận các bảng tổng hợp kê khai thuế; lập sổ chi tiết tài khoản – tờ khai thuế, quyết toán thuế và Báo cáo tài chính – Báo cáo quyết toán thuế.

Kế toán tài chính 1: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán)

Nội dung: Nội dung chính của môn học bao gồm những kiến thức nghiệp vụ về kế toán tài chính trong quá trình tổ chức công tác kế toán, ghi nhận và phản ánh kế toán quá trình mua các yếu tố đầu vào đối với các doanh nghiệp; tổ chức, theo dõi và kế toán quá trình sản xuất, tính giá thành sản phẩm của các doanh nghiệp.

Kế toán tài chính 2: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kế toán tài chính 1)

Nội dung: Nội dung chính của môn học bao gồm những kiến thức nghiệp vụ cơ bản về kế toán tài chính trong quá trình ghi nhận các phần hành kế toán cơ bản:

- Ghi nhận, xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến việc quản lý, khai thác & sử dụng tiền của doanh nghiệp;
- Ghi nhận, xử lý các hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp (mua bán hàng hóa, dịch vụ, hoạt động đầu tư, tài chính);
- Ghi nhận và xử lý các quan hệ thanh toán (với khách hàng, với các chủ nợ khác);
- Ghi nhận sự hình thành nguồn vốn chủ sở hữu và phân phối lợi nhuận của một doanh nghiệp.

Kế toán tài chính 3: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kế toán tài chính 2)

Nội dung: Nội dung chính của môn học bao gồm những kiến thức nghiệp vụ cơ bản về kế toán tài chính trong các loại hình doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh khác nhau như: doanh nghiệp kinh doanh thương mại, doanh nghiệp dịch vụ, doanh nghiệp xây dựng chủ đầu tư... Ngoài ra, nội dung của môn học còn bao gồm cả phần tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp tương ứng.

Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán)

Nội dung: Bao gồm những đề tài có liên quan đến môi trường làm việc trong các công ty, các thương hiệu, mua bán, giao tiếp nơi công sở. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, những tình huống thực tế trong kinh doanh. Từng đơn vị bài học, sinh viên có thể hiểu và biết được cách sử dụng séc trong thanh toán; các phương pháp thanh toán trong giao dịch của các doanh nghiệp, cũng như các dịch vụ thanh toán giữa các doanh nghiệp, cá nhân và cách phân tích tài chính của một Công ty, làm nền tảng để học tiếp sâu hơn cho Anh văn chuyên ngành II, III và IV

Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 2: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 1).

Nội dung: Bao gồm những đề tài có liên quan đến một số phương pháp thanh toán trong thương mại quốc tế - phương thức thanh toán ghi sổ, nhờ thu chứng từ, bao thanh toán và một số tiện lợi cũng như bất tiện lợi trong các phương thức này. Mỗi bài có Case Study giúp sinh viên thảo luận nhóm, và có những tình huống thực tế trong kinh doanh, làm nền tảng để học tiếp cho Anh văn chuyên ngành III và IV

Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 3: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 2).

Nội dung: Nội dung của học phần này bao gồm những bài text với những chủ đề được miêu tả một cách chính xác nhất về các hoạt động trong kinh doanh quốc tế tại các công ty, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Nội dung của học phần này còn giúp sinh viên hiểu được thêm một số thuật ngữ trong kế toán như: Doanh thu, chi phí, lợi nhuận gộp...

Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 4: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Tiếng Anh chuyên ngành kế toán 3).

Nội dung: Bao gồm những đề tài có liên quan đến các tình huống trong kinh doanh: như là hoạch định ngân sách cho chiến lược sản xuất sản phẩm của công ty; tính giá thành sản phẩm, ước tính chi phí khi tỷ giá thay đổi cho kế hoạch sản xuất của doanh nghiệp... Mỗi bài có Case Study để sinh viên thảo luận nhóm và giúp sinh viên tự tin trong việc giao tiếp trong kinh doanh, làm tăng triển vọng nghề nghiệp của họ trong tương lai

Nghiệp vụ ngoại thương: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học trang bị cho người học các kiến thức về điều kiện Thương mại Quốc tế (Incoterms), cách soạn thảo các thư tín thương mại trong thương lượng, đàm phán ngoại thương, cách thức xây dựng các điều khoản của một hợp đồng ngoại thương chuẩn bằng tiếng Anh. Môn học còn trang bị kiến thức cách thức tổ chức thực hiện hợp đồng XNK với các nghiệp vụ thuê tàu, nghiệp vụ bảo hiểm, thủ tục khai báo Hải quan và các phương thức TTQT áp dụng trong ngoại thương.

Thanh toán quốc tế: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp những kiến thức đề cập đến những khía cạnh chủ yếu có liên quan đến thanh toán quốc tế bao gồm hối đoái và các nghiệp vụ hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các điều kiện thanh toán quốc tế.

Thị trường chứng khoán: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành về thị trường chứng khoán, hàng hóa chứng khoán, nghiệp vụ phát hành và giao dịch chứng khoán; hệ thống lưu ký, đăng ký, thanh toán bù trừ chứng khoán - những chuẩn mực quốc tế cũng như những nét đặc thù của Việt Nam. Môn học đồng thời cũng giúp người học tìm

hiểu những yếu tố pháp lý về TTCK Việt Nam và những quy định về giao dịch của Sở GDCK HCM, Sở GDCK Hà Nội và thị trường UPCOM.

Kế toán chi phí: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức và kỹ năng cần thiết trong việc tổ chức hệ thống kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp theo các mô hình khác nhau, phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định của nhà quản lý. Ngoài ra còn cung cấp các nội dung về quản trị chi phí giúp cho các doanh nghiệp quản lý chi phí hiệu quả.

Hệ thống thông tin kế toán: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kế toán tài chính 3)

Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về các hệ thống thông tin trong doanh nghiệp nói chung và hệ thống thông tin kế toán nói riêng. Môn học trình bày các nội dung của hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, các chu trình kinh doanh chính và các nội dung liên quan đến phân tích, lựa chọn, triển khai và vận hành hệ thống thông tin kế toán và các vấn đề về kỹ thuật, kiểm soát hệ thống có liên quan.

Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kế toán tài chính 3)

Nội dung: Đầu tiên, môn học cung cấp cho người học nhận thức tổng quan thông qua những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của dịch vụ đảm bảo, dịch vụ kiểm toán và hệ thống các văn bản pháp luật, chuẩn mực kiểm toán của quốc tế và Việt Nam. Đi sâu vào nội dung, môn học đề cập đến các khái niệm cơ bản trong kiểm toán; quy trình, thủ tục, kỹ thuật tiến hành và kết quả của một cuộc kiểm toán. Bên cạnh đó môn học cũng cung cấp những kiến thức về hệ thống kiểm soát nội bộ (Internal Control), các nguyên tắc điều hành và kiểm soát doanh nghiệp (Corporate Governance Principles) và các ảnh hưởng và thay đổi của môi trường liên quan đến bản chất và phương pháp tiếp cận kiểm toán hiện hành.

Kế toán công: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp các nội dung tổng quan về hệ thống tổ chức, cơ quan, đơn vị Nhà nước, tiếp đến sẽ giới thiệu đến sinh viên các nguyên tắc kế toán công trên thế giới và tại Việt nam, ngoài ra hệ thống các chuẩn mực, chế độ kế toán có liên quan và phương pháp lập Báo cáo tài chính tại các tổ chức, cơ quan đơn vị này.

Kế toán Mỹ: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán)

Nội dung: Giới thiệu nội dung của Các nguyên tắc kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán Mỹ và so sánh với Việt nam để sinh viên làm quen với thực hành kế toán trong doanh nghiệp theo chuẩn mực của Mỹ.

Phân tích và đầu tư chứng khoán: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Thị trường chứng khoán)

Nội dung: Môn học cung cấp các kiến thức cơ bản đến chuyên sâu trong lĩnh vực kinh doanh và đầu tư chứng khoán, bao gồm các kỹ năng và phương pháp phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật và định giá chứng khoán.

Kế toán ngân hàng: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Trước tiên môn học cung cấp kiến thức khái quát về hệ thống ngân hàng của một quốc gia, mối liên hệ giữa các ngân hàng nằm trong hệ thống ngân hàng của một quốc gia nói chung. Trọng tâm của môn học sẽ cung cấp các kiến thức cơ bản về công tác kế toán trong ngân hàng thương mại bao gồm hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán, làm nền tảng cho các phân hành kế toán các nghiệp vụ cụ thể.

Quản trị tài chính: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp các kiến thức về hoạt động tài chính trong một doanh nghiệp. Môn học sẽ cung cấp cho người học một tầm nhìn khái quát về tình hình tài chính của DN, những công cụ và các kỹ thuật cần thiết cho việc chọn lựa để đưa ra các quyết định tài chính một cách hữu hiệu nhất nhằm đạt được mục tiêu mà DN đặt ra cho từng thời kỳ phát triển.

Phần mềm kế toán: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán)

Nội dung: Cung cấp các nội dung về quản lý hệ thống và thực hành các phân hệ của phần mềm kế toán (FAST hoặc MISA) để lập các chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo tài chính trên nền ứng dụng.

Tổ chức hệ thống chứng từ, sổ và báo cáo kế toán: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Nguyên lý kế toán)

Nội dung: Môn học cung cấp các nội dung về các hình thức kế toán trong đó tập trung vào tổ chức hệ thống chứng từ, sổ và các báo cáo kế toán tương ứng các hình thức kế toán. Ngoài ra còn hướng dẫn chi tiết và xuyên suốt nội dung ghi sổ, chuyển sổ, lập báo cáo từ khi nghiệp vụ kế toán phát sinh đến khi hoàn tất trình bày trên báo cáo tài chính.

Nghiệp vụ ngân hàng thương mại: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Môn học cung cấp kiến thức tổng quan về hoạt động của NHTM và các hoạt động nghiệp vụ phổ biến của một ngân hàng thương mại bao gồm: nghiệp vụ huy động vốn, hoạt động tín dụng, nghiệp vụ cho vay khách hàng cá nhân, nghiệp vụ cho vay khách hàng doanh nghiệp, bao thanh toán, chiết khấu chứng từ có giá, kinh doanh ngoại hối...

Thiết lập và thẩm định dự án đầu tư: 3 (45, 0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Nội dung môn học bao gồm các vấn đề chung về Dự án đầu tư và các kỹ thuật, phương pháp thẩm định dự án đầu tư trong đó chú trọng về thẩm định tài chính dự án đầu tư sử dụng mô hình được xây dựng trên phần mềm bảng tính Excel.

Kế toán quản trị: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp cho sinh viên các nội dung, kỹ thuật và mô hình sử dụng nhằm thu thập, xử lý và truyền đạt thông tin cho nhà kế toán quản trị tương ứng với các chức năng quản lý.

Kiểm toán báo cáo tài chính: 4 (60, 0, 120)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (Kiểm toán và dịch vụ đảm bảo)

Nội dung: Cung cấp nội dung chương trình kiểm toán mẫu 1 khoản mục trên Báo cáo tài chính và hướng dẫn một số chương trình kiểm toán các khoản mục điển hình về tài sản, công nợ, doanh thu, chi phí và vốn theo Chương trình kiểm toán mẫu do VACPA ban hành.

Lập và phân tích báo cáo tài chính: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: học phần trước (kế toán tài chính 3)

Nội dung: hướng dẫn sinh viên lập các báo cáo tài chính theo quy định bao gồm: Bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính. Tiếp đó sẽ hướng dẫn sinh viên thực hành phân tích báo cáo tài chính từ việc tính toán các chỉ số tài chính đến phân tích bằng mô hình.

Ứng dụng Excel trong kế toán – kiểm toán: 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp các hàm số, kỹ thuật và trình bày bằng bảng biểu trong Excel giúp cho người làm kế toán, trợ lý kiểm toán có thể tổ chức lập chứng từ, ghi sổ và lập báo cáo tài chính đồng thời có thể đối chiếu, kiểm tra tính chính xác giữa dữ liệu và thông tin trong KT.

Đào tạo công việc thực địa (On-Job Training): 2 (30, 0, 60)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Cung cấp các kiến thức và kỹ năng cần thiết tương ứng với các vị trí kế toán, trợ lý kiểm toán được tuyển dụng trong các loại hình doanh nghiệp. Đồng thời cho phép người học thực hành các công việc này với các tình huống thực tế.

Chuyên đề tốt nghiệp: 3 (45,0, 90)

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung: Chuyên đề theo chuyên ngành về một đề tài cụ thể bao gồm: phần mở đầu, phần tổng quan, những nghiên cứu thực nghiệm hoặc lý thuyết, đánh giá phân tích các kết quả và đưa ra kết luận cũng như các kiến nghị cần thiết.

**KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**TR. TRƯỞNG PHÒNG
QUẢN LÝ ĐÀO TẠO**

TRƯỞNG KHOA



TS. Trần Ái Cẩm

ThS. Trần Hồng Quỳnh

TS. NGUYỄN ĐÌNH HÙNG